

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày 03 - 04 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2026/QĐST-DS ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ CN Đ, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận Xử lý nợ pháp lý và bà Lê Hoàng L, ông Nguyễn Văn C, ông Đỗ Thành Đ, bà Lê Thị Thảo N, ông Nguyễn Văn L1 - đều là Chuyên viên Xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1 và số 661.03/2026/UQ-KHCN4-RCC4 ngày 20/3/2026 của Trưởng Phòng xử lý nợ pháp lý KHCN 3 - V1). Bà L1 có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1968, địa chỉ: H T, Tổ C phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Hoàng L trình bày:**

Ngân hàng TMCP V cho ông Nguyễn Đình T1 vay vốn theo Hợp đồng cho vay số 214166443704969100, số hồ sơ giải ngân LD2227201342 ngày 29/9/2022: Số tiền vay/hạn mức 51.000.000đ, thời hạn vay 40 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 32%/năm (có điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và các điều khoản khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 10/6/2024. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 03/4/2026, ông Nguyễn Đình T1 còn nợ V1 số tiền là 79.996.285đ (Bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 38.975.544đ, nợ lãi 41.020.741đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình T1 thanh toán cho V1 tổng số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Đình T1** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông Nguyễn Đình T1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/ TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N1; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2026 là 79.996.285đ (Bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 38.975.544đ, nợ lãi 41.020.741đ.

Kể từ ngày 04/4/2026 ông Nguyễn Đình T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 214166443704969100, số hồ sơ giải ngân LD2227201342 ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông Nguyễn Đình T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T1 thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông Nguyễn Đình T1 có nơi cư trú tại H T, Tổ 33TKĐ phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Đình T1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo theo Hợp đồng cho vay số 214166443704969100, số hồ sơ giải ngân LD2227201342 ngày 29/9/2022: Số tiền vay/hạn mức 51.000.000đ, thời hạn vay 40 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn: 32%/năm (có điều chỉnh), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và các điều khoản khác.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn ngày 10/6/2024. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này V1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được HĐXX chấp nhận buộc ông T1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2026 là 79.996.285đ (Bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 38.975.544đ, nợ lãi 41.020.741đ.

Kể từ ngày 04/4/2026 ông Nguyễn Đình T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 214166443704969100, số hồ sơ giải ngân LD2227201342 ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn V1 được chấp nhận nên bị đơn ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Đình T1.

Buộc ông Nguyễn Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2026 là 79.996.285đ (Bảy mươi chín triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 38.975.544đ, nợ lãi 41.020.741đ.

Kể từ ngày 04/4/2026 ông Nguyễn Đình T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 214166443704969100, số hồ sơ giải ngân LD2227201342 ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) ông Nguyễn Đình T1 phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.638.163đ (*Một triệu, sáu ba mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng*) theo biên lai thu số 0005212 ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày

03/4/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Diệp

